

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2017
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Đinh Công Trường
 2. Ông Nguyễn Bá Thịnh
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thu Hiền – Thư ký Tòa án

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 181/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2017 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2017/QĐXX-ST ngày 10/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Tổ 4, ấp P, xã M, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Có mặt).

Bị đơn: Ông Trương Văn N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp P, xã M, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Bà Trần Thị Thu H trình bày: Bà và Ông Trương Văn N qua thời gian tìm hiểu thì đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 04/4/2014.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do Ông N thường xuyên ngăn cản việc Bà H chở con về nhà ông bà ngoại chơi, thường xuyên hù dọa đánh bà nếu bà chở con về nhà ông bà ngoại, từ đó dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Bà đã nhiều lần khuyên bảo Ông N thay đổi tính tình nhưng không có kết quả. Hiện nay ông bà đang chung sống nhưng không ai quan tâm đến nhau.

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với Ông N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và Ông N có 01 con chung là cháu Trương Ngọc P, sinh ngày 09/8/2015. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và yêu cầu Ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn Ông Trương Văn N trình bày: Ông N thống nhất với thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn như Bà H đã trình bày.

Ông xác nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đôi khi cũng xảy ra mâu thuẫn do Bà H không quan tâm đến chồng con, thường xuyên về nhà bố mẹ đẻ sống bỏ con cho ông tự chăm sóc. Nhiều lần vợ chồng gây gổ, cãi vã. Nay Bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì cháu P đang nhỏ cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

Về con chung: Ông và Bà H có 01 con chung như Bà H trình bày. Trường hợp ly hôn ông đồng ý giao cháu P cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Thu H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với Ông Trương Văn N, được nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn, con chung”.

Bị đơn Ông Trương Văn N có địa chỉ tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Thu H và Ông Trương Văn N đều xác định ông bà tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2014 tại xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con cái, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cãi vã. Tại phiên tòa Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với Ông N.

Ông N cũng xác định vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn tuy nhiên không đến mức ly hôn, ông muốn đoàn tụ gia đình với Bà H để vợ chồng cùng chăm sóc con cái.

Xét ý kiến của bị đơn thấy: Ông N mặc dù muốn đoàn tụ gia đình với Bà H nhưng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng Bà H, Ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của Bà H đối với Ông N.

Về con chung: Bà H và Ông N có là 01 con chung là Trương Ngọc P, sinh ngày 09/8/2015. Bà H có nguyện vọng nuôi cháu P đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), yêu cầu Ông N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/ tháng. Trường hợp ly hôn Ông N cũng đồng ý giao con cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng theo yêu cầu của Bà H. Xét đây là sự thỏa thuận của các đương sự nên công nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà Bà Trần Thị Thu H tự nguyện nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Trương Văn N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” của Bà Trần Thị Thu H đối với Ông Trương Văn N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H được ly hôn với Ông Trương Văn N.

Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc P, sinh ngày 09/8/2015 cho Bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông Trương Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P 2.000.000 đồng/ tháng bắt đầu từ tháng 8/2017 cho đến khi cháu P trưởng thành (18 tuổi).

Các bên được quyền đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

2. Về án phí: Bà Bà Trần Thị Thu H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00005149 ngày 09/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

Ông Trương Văn N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- UBND xã M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái